

Bản án số: 02/2023/HS-ST.

Ngày: 13 - 01 - 2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Tâm.

2. Ông Nguyễn Văn Giáp.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Thanh T, sinh ngày 01/01/1982 tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh V (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có vợ là Nguyễn Thị Lê H; có 01 người con sinh năm 2005; anh chị em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án: không có; tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng sau đó bị cáo vi phạm nghĩa vụ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam từ ngày 24/10/2022 cho đến nay “có mặt”.

**** Bị hại:***

1. Anh Trần Văn T, sinh năm: 1997; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

2. Anh Võ Văn B, sinh năm: 1994; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm: 1983; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

2. Chị Lê Hoàng Nghĩa T, sinh năm 1991; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1960; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

3. Chị Trịnh Thị Bé N, sinh năm: 1982; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

4. Anh Ngô Út E, sinh năm: 1994; cư trú tại: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

5. Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1989; cư trú tại: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kể từ ngày 14/7/2022 đến ngày 20/7/2022 Bùi Thanh T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn ấp A, xã A, huyện C 03 lần như sau:

Lần thứ 1: vào khoảng 23 giờ ngày 14/7/2022, Bùi Thanh T đi đến nhà của anh Nguyễn Thành L tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để xin thuốc hút, T đi vào nhà sau của anh L, thấy anh L đang ngủ, T lấy thuốc hút và phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, dung lượng 32GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen của anh L đang để trên giường nơi anh L đang ngủ, nên T lấy trộm điện thoại của anh L để vào túi quần và đem về nhà cất giấu vào phòng ngủ của T. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày 15/7/2022 anh L phát hiện bị mất điện thoại, nên đi tìm T để hỏi thì T thừa nhận lấy trộm điện thoại của anh L và trả điện thoại lại cho anh L.

Lần thứ 2: vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/7/2022, T đến nhà anh Võ Văn B tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nhưng nhà của anh B không có ai nên đóng cửa. T đi vòng ra phía sau để vào trong nhà, khi đến khu vực nhà sau thì T phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen của anh B đang sạc để trên bàn, nên T lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần và đi bộ đến nhà chị Lê Hoàng Nghĩa T tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Khi gặp chị T T nói “tìm chị bán điện thoại để lấy tiền mua thuốc hút”, chị T hỏi “điện thoại của ai” thì T trả lời “điện thoại

của tôi”, do nghi ngờ T lấy trộm điện thoại của những người trong xóm, nên chị T đưa cho T 100.000 đồng và kêu T giao điện thoại lại cho chị nhằm mục đích giữ điện thoại lại để hỏi những người trong xóm có ai bị mất điện thoại để trả lại cho người bị mất. Đến khoảng 19 giờ ngày 19/7/2022 chị Trịnh Thị Bé N, anh Ngô Văn Út E, anh Nguyễn Trọng N đến nhà chị T chơi thì chị T có nói sự việc giữ điện thoại của T, nếu có ai trong xóm mất điện thoại thì chỉ lại nhà chị T để nhận lại, do không có ai đến nhận lại điện thoại, nên sau đó chị T đã giao nộp điện thoại cho Công an xã A.

Lần thứ 3: vào khoảng 08 giờ ngày 20/7/2022 anh Trần Văn T điều khiển xe mô tô chở Bùi Thanh T đến nhà của anh T, sau đó anh T đi ra nhà sau làm công việc, T ở trong nhà trước một mình thì phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu xanh ngọc của anh T để trên tủ kính trong nhà, nên T lấy trộm điện thoại của anh T và đi về nhà. Sau đó anh T phát hiện mất điện thoại, nên anh T đi tìm T hỏi thì T thừa nhận lấy trộm điện thoại của anh T và đã trả điện thoại lại cho anh T. Sau đó anh T trình báo sự việc cho Công an xã A.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/2022/KL-HĐĐG, 29 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng kết luận như sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, dung lượng 32GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen, số sê ri: R9AM8001BBJ; số IMEI 1: 358176101464234, số IMEI 2: 358177101464232, mua vào năm 2020, tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 950.000 đồng (*chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen, số IMEI: 359219072162293, mua vào năm 2020, tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu xanh ngọc, số IMEI 1: 359676585169018; số IMEI 2: 359676585255486, mua vào khoảng 01/2022, tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Thanh T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS-CLD, ngày 24 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung để xét xử Bùi Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số 17/CT-VKS-CLD, ngày 24 tháng 11 năm

2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: bị cáo không có tiền án, tiền sự; khi bị phát hiện trộm điện thoại thì bị cáo đã trả điện thoại lại cho bị hại, giá trị tài sản bị cáo trộm không lớn, nên thuộc trường hợp bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 tuyên phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: do các bị hại Trần Văn T, Võ Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thành L, Lê Hoàng Nghĩa T không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào, nên không đặt ra xem xét.

- Ý kiến của các bị hại Trần Văn T, Võ Văn B tại phiên tòa: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Thanh T.

- Ý kiến của bị cáo Bùi Thanh T: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: bị cáo Bùi Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã xác định. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: vào khoảng 23 giờ ngày 14/7/2022, Bùi Thanh T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s, dung lượng 32GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen của anh Nguyễn Thành L trị giá 950.000 đồng; vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/7/2022, Bùi Thanh T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, dung lượng 128GB, màn hình

cảm ứng, lưng phía sau màu đen của anh Võ Văn B trị giá 4.500.000 đồng; vào khoảng 08 giờ ngày 20/7/2022 Bùi Thanh T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu xanh ngọc của anh Trần Văn T trị giá 8.000.000 đồng.

[2.1] Đối với hành vi lấy trộm điện thoại của anh Võ Văn B trị giá 4.500.000 đồng và điện thoại của anh Trần Văn T trị giá 8.000.000 đồng mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nhất là tại khu vực ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nhưng chỉ vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải lao động chính đáng mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, cáo trạng số 17/CT-VKS-CLD, ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với hành vi lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10s của anh Nguyễn Thành L trị giá 950.000 đồng mà bị cáo thực hiện không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Thanh T là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Vì vậy, căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự; khi bị phát hiện trộm điện thoại thì bị cáo đã trả điện thoại lại cho bị hại, giá trị tài sản bị cáo trộm không lớn, nên thuộc trường hợp bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Vì vậy, căn cứ vào điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại anh Trần Văn T, anh Võ Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L đã nhận lại tài sản bị

trộm gồm 03 điện thoại di động. Tại phiên tòa, anh T, anh B, anh L và chị Lê Hoàng Nghĩa T không yêu cầu bị cáo T bồi thường khoản tiền nào, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, việc áp dụng pháp luật, về mức hình phạt và về trách nhiệm dân sự: như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý tài sản liên quan đến vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu và đã trả lại cho chủ sở hữu gồm: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A10s, dung lượng 32GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, dung lượng 128GB, màn hình cảm ứng, lưng phía sau màu xanh ngọc, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021), thì bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Xử phạt bị cáo Bùi Thanh Th 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

* Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại anh Trần Văn T, anh Võ Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L, chị Lê Hoàng Nghĩa T không yêu cầu bị cáo Bùi Thanh T bồi thường khoản tiền nào, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm a khoản 1 Điều

23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Xử buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

* Về quyền kháng cáo đối với bản án:

- Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021).

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo